

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – CẦN THƠ**

Bản án số: 108/2026/HNGĐ-ST.

Ngày 13 – 02 – 2026.

V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 – CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Như Nguyễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Thanh Nhân.

Bà Phạm Kim Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Chí Khánh. Thẩm tra viên Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lượng – Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 02 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 260/2025/TLST – HNGĐ, ngày 05 tháng 11 năm 2025, về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2026/QĐXXST - HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Yến T, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Tổ 3, khu Tân Lập 2, phường Yên Tử, tỉnh Quảng Ninh. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị S, thuộc Chi nhánh văn phòng Luật sư Phạm Văn Cần, Đoàn Luật sư tỉnh An Giang. Vắng mặt.

- Bị đơn: Ông Phạm Thế T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Ấp Cây Thông Ngoài, đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang. Hiện đang chấp hành án tại Trại giam Kênh 5, Cục C10, Bộ Công an thuộc ấp Thạnh Xuân, xã Hỏa Lựu, thành phố Cần Thơ. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Tại đơn khởi kiện gửi Tòa án và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Yến T trình bày: Bà và ông Phạm Thế T chung sống với nhau vào năm 2022, đến năm 2023 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Cửa Dương, thành phố Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang (nay là đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang). Thời gian đầu chung sống hạnh phúc, nhưng về sau thì phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân

do vợ chồng không còn hợp nhau, không có tiếng nói chung. Đến tháng 8/2023 thì ông Phạm Thế T bị bắt và đi chấp hành án nên vợ chồng sống ly thân đến nay. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên bà quyết định ly hôn.

Về con chung: có 01 con chung tên Phạm Phương M (giới tính nữ), sinh ngày 23/12/2022, hiện đang sống chung với mẹ.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay bà Nguyễn Yến T yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Yến T yêu cầu được ly hôn với ông Phạm Thế T.

Về con chung: Bà Nguyễn Yến T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Nguyễn Yến T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn tại phiên tòa vắng mặt, có đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình Tòa án giải quyết vụ án, tại biên bản ghi lời khai khai lập ngày 10/12/2025 tại Trại giam Kênh 5, Cục C10, Bộ Công an, bị đơn ông Phạm Thế T trình bày: Về quan hệ hôn nhân và con chung như bà Nguyễn Yến T đã trình bày là đúng. Thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, sau đó ông đi chấp hành án nên vợ chồng không còn chung sống và quan tâm đến nhau. Nay ông đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Nguyễn Yến T. Về con chung ông đồng ý giao con chung cho bà Nguyễn Yến T được quyền nuôi dưỡng, không cấp dưỡng. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa ông Phạm Thế T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 – Cần Thơ tại phiên tòa phát biểu: Việc thu thập chứng cứ từ khi thụ lý vụ án của Thẩm phán, mở và điều khiển phiên tòa của Hội đồng xét xử tại phiên tòa là tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng từ lúc thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng pháp luật. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc ly hôn. Về con chung đề nghị giao cho bà Nguyễn Yến T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, ông Phạm Thế T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Yến T chưa có yêu cầu. Về tài sản chung và nợ chung không đặt ra xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Yến T và ông Phạm Thế T chung sống với nhau vào năm 2022 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật,

nên quan hệ hôn nhân của ông bà được pháp luật công nhận là hợp pháp. Thời gian chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn, không phù hợp quan điểm trong cuộc sống, khi có mâu thuẫn ông bà đã không tạo điều kiện hàn gắn mà để mâu thuẫn kéo dài ngày càng trầm trọng, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, hiện nay không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Tòa án cũng tạo điều kiện hoà giải nhưng cả hai bên đều yêu cầu giải quyết vắng mặt nên không hoà giải được, hiện nay bà Nguyễn Yến T và ông Phạm Thế T đều đồng ý ly hôn, điều đó chứng tỏ mâu thuẫn trong quan hệ hôn nhân của ông bà đã thật sự trầm trọng, cuộc sống chung nếu kéo dài sẽ không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận cho bà Nguyễn Yến T được ly hôn với ông Phạm Thế T.

[2] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Phạm Phương M (giới tính nữ), sinh ngày 23/12/2022, hiện đang sống chung với mẹ, bà Nguyễn Yến T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng. Ông Phạm Thế T cũng đồng ý theo yêu cầu nuôi con của bà Nguyễn Yến T. Xét thấy con chung tên Phạm Phương M hiện nay đã trên 36 tháng tuổi nhưng chưa đủ 07 tuổi, đã theo sống với mẹ là bà Nguyễn Yến T từ khi cha mẹ ly thân đến nay, quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Yến T và ông Phạm Thế T cũng thống nhất để con chung sống chung với mẹ là bà Nguyễn Yến T khi cha mẹ ly hôn. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quyết định giao con chung tên Phạm Phương M cho bà Nguyễn Yến T được quyền nuôi dưỡng. Ông Phạm Thế T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Yến T chưa có yêu cầu.

[3] *Về tài sản chung và nợ chung*: Bà Nguyễn Yến T và ông Phạm Thế T đều khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[4] *Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn*: Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án buộc bà Nguyễn Yến T phải chịu.

[5] Đối với sự vắng mặt của các đương sự tại phiên tòa: Bà Nguyễn Yến T là nguyên đơn, ông Phạm Thế T là bị đơn và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt các đương sự và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 28, 35, 39, 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Các điều 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Yến T được ly hôn với ông Phạm Thế T.

2. Về con chung: Bà Nguyễn Yến T được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên Phạm Phương M (giới tính nữ), sinh ngày 23/12/2022. Ông Phạm Thế T chưa phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con do bà Nguyễn Yến T chưa có yêu cầu. Ông Phạm Thế T có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không sống chung với mình mà không ai được quyền cản trở.

3. Án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn: Buộc bà Nguyễn Yến T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng. Chuyển 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí bà Nguyễn Yến T đã nộp theo biên lai thu số 0007566 ngày 27/10/2025 tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11 – Cần Thơ thành án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 11 – Cần Thơ;
- Phòng THADS khu vực 11 – Cần Thơ;
- UBND đặc khu Phú Quốc, tỉnh An Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Như Nguyễn